



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(đã được soát xét)

A member of  International

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-42
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12-42



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 27 tháng 07 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Ôn	Chủ tịch
Ông Phạm Công Thảo	Thành viên
Ông Lê Văn Hồng	Thành viên
Ông Trương Bá Liêm	Thành viên
Ông Đặng Huy Hiệp	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2015
Ông Trương Bá Liêm	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban	
Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/04/2016
Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/04/2016
Ông Đậu Vũ Châu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/04/2016
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/04/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Đặng Huy Hiệp
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 18 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		660.866.482.832	604.934.263.996
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	62.347.598.249	20.341.953.733
111	1. Tiền		62.347.598.249	20.341.953.733
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	30.206.488.000	9.200.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		23.000.000.000	23.000.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.225.000.000)	(13.800.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.431.488.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		258.752.592.026	244.411.259.111
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	225.686.633.769	214.467.688.252
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	23.615.423.844	20.211.087.678
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	12.851.714.801	11.305.602.604
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.401.180.388)	(1.573.119.423)
140	IV. Hàng tồn kho	9	306.509.911.601	328.605.887.469
141	1. Hàng tồn kho		324.662.144.284	348.654.526.684
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(18.152.232.683)	(20.048.639.215)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.049.892.956	2.375.163.683
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	74.397.160	270.493.258
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		922.287.909	1.252.004.988
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	2.053.207.887	852.665.437
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		244.445.663.295	254.298.642.793
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		210.000.000	280.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	210.000.000	280.000.000
220	II. Tài sản cố định		125.195.547.233	126.399.065.546
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	34.951.828.203	36.060.151.374
222	- Nguyên giá		71.408.937.563	71.293.921.959
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.457.109.360)	(35.233.770.585)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	90.243.719.030	90.338.914.172
228	- Nguyên giá		91.195.670.450	91.195.670.450
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(951.951.420)	(856.756.278)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	107.312.915.638	110.339.034.454
231	- Nguyên giá		145.463.787.768	145.463.787.768
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.150.872.130)	(35.124.753.314)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	949.400.909	934.400.909
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		949.400.909	934.400.909
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	8.919.931.692	13.659.354.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		35.079.250.000	35.079.250.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(26.159.318.308)	(21.419.896.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.857.867.823	2.686.787.884
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.857.867.823	2.686.787.884
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		905.312.146.127	859.232.906.789

1011
CƠ
HCH NH
ING K
A
DAN K

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		601.577.038.018	583.097.586.952
310	I. Nợ ngắn hạn		581.227.750.702	563.178.356.227
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	25.453.798.778	37.055.101.876
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	26.733.541.453	6.245.944.565
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	-	295.925.494
314	4. Phải trả người lao động		12.553.032.138	6.249.067.869
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.957.006.784	716.351.822
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		92.290.909	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	778.830.551	1.880.205.091
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	513.211.674.987	510.212.919.408
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		447.575.102	522.840.102
330	II. Nợ dài hạn		20.349.287.316	19.919.230.725
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	20.349.287.316	19.919.230.725
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		303.735.108.109	276.135.319.837
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	303.735.108.109	276.135.319.837
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		37.225.230.000	37.225.230.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		60.535.503.997	60.535.503.997
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.773.466.830	1.773.466.830
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(5.799.092.718)	(33.398.880.990)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(33.398.880.990)	43.105.597
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		27.599.788.272	(33.441.986.587)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		905.312.146.127	859.232.906.789

Nguyễn Thị Hồng Mây
Người lập

Võ Thị Lệ Châu
Kế toán trưởng



Đặng Huy Hiệp
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.310.087.351.116	936.110.310.848
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	489.264.250	1.258.788.219
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.309.598.086.866	934.851.522.629
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1.231.422.848.595	908.384.947.134
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.175.238.271	26.466.575.495
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	6.973.607.093	4.955.387.277
22	7. Chi phí tài chính	27	18.804.373.303	17.208.005.299
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13.951.577.283	16.442.356.486
25	8. Chi phí bán hàng	28	29.640.879.388	16.171.859.849
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	10.641.403.203	8.774.358.168
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.062.189.470	(10.732.260.544)
31	11. Thu nhập khác	30	1.549.317.398	18.806.207.514
32	12. Chi phí khác	31	11.718.596	1.745.760.793
40	13. Lợi nhuận khác		1.537.598.802	17.060.446.721
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.599.788.272	6.328.186.177
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	-	1.594.266.407
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>27.599.788.272</u>	<u>4.733.919.770</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.314	225

Nguyễn Thị Hồng Mây
Người lập

Võ Thị Lệ Châu
Kế toán trưởng

Đặng Huy Hiệp
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		27.599.788.272	6.328.186.177
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.717.269.584	6.176.067.993
03	- Các khoản dự phòng		4.096.076.741	(27.141.161.370)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(5.423.780)	456.109.756
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.424.985.424)	(20.242.428.449)
06	- Chi phí lãi vay		13.951.577.283	16.442.356.486
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		48.934.302.676	(17.980.869.407)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.434.708.512)	93.636.285.737
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		23.992.382.400	9.838.538.160
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		18.092.832.710	(39.154.194.140)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.025.016.159	(366.060.834)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(14.160.196.237)	(16.466.771.025)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(863.925.455)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(75.265.000)	(5.215.775.047)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		61.510.438.741	24.291.153.444
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.037.130.808)	(794.407.586)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.629.352.728	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(31.701.488.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.270.000.000	-
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.130.577.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		275.364.757	25.505.517
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(22.563.901.323)	3.361.674.931
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.248.186.313.779	963.661.091.924
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.245.064.933.871)	(978.745.771.619)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(858.825)	(20.982.680.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.120.521.083	(36.067.359.695)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		42.067.058.501	(8.414.531.320)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.341.953.733	10.835.472.681
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(61.413.985)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>62.347.598.249</u>	<u>2.420.941.361</u>



Nguyễn Thị Hồng Mây
Người lập



Võ Thị Lệ Châu
Kế toán trưởng




Đặng Huy Hiệp
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2016

11/05
CÔNG TY
KIỂM HỮU
KIỂM TỐ
ASC
HỒ CHÍ MINH - TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 27 tháng 07 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 210.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 210.000.000.000 đồng; tương đương 21.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại thép xây dựng và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 5	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 7	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 11	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Kho chứa hàng	Long An	Kho chứa hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 30 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

11105
CÔNG TY
H NHIỆM P
NG KIẾP
AA
DÂN KIẾP

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.13 . Vay

Các khoản vay và nợ phải trả được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	681.447.925	1.316.267.977
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.666.150.324	19.025.685.756
	<u>62.347.598.249</u>	<u>20.341.953.733</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
- Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng	20.431.488.000	20.431.488.000	-	-
	<u>20.431.488.000</u>	<u>20.431.488.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại 30/06/2016, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 20.431.488.000 VND được gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Chợ Lớn với lãi suất 6,2%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**b) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Thép Nhà Bè (1.150.000 cổ phiếu) (*)	23.000.000.000	9.775.000.000	(13.225.000.000)	23.000.000.000	9.200.000.000	(13.800.000.000)
	23.000.000.000	9.775.000.000	(13.225.000.000)	23.000.000.000	9.200.000.000	(13.800.000.000)

(*) : Giá cổ phiếu của Công ty CP Thép Nhà Bè tại thời điểm 30/06/2016 trên thị trường Chứng khoán là 8.500 đồng/cổ phiếu.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	35.079.250.000	(26.159.318.308)	35.079.250.000	(21.419.896.000)
- Công ty TNHH VNS DAEWOO	21.079.250.000	(12.159.318.308)	21.079.250.000	(7.419.896.000)
- Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	14.000.000.000	(14.000.000.000)	14.000.000.000	(14.000.000.000)
	35.079.250.000	(26.159.318.308)	35.079.250.000	(21.419.896.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH VNS DAEWOO	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10%	10%	Kinh doanh thương mại sắt, thép các loại
- Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	7%	7%	Sản xuất kinh doanh thép tấm lá



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	53.297.955.416	56.820.220.480
- Công ty Thép Tây Đô	18.038.785.710	-
- HQ CO., LTD.	10.805.614.974	18.033.220.620
- Các khoản phải thu khách hàng khác	143.544.277.669	139.614.247.152
	<u>225.686.633.769</u>	<u>214.467.688.252</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>71.520.493.710</u>	<u>69.014.539.980</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Zhejiang Materials Industry International Co.,LTD	8.413.840.352	-	-	-
Win Faith Trading LTD	3.583.274.572	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	11.618.308.920	-	20.211.087.678	-
	<u>23.615.423.844</u>	<u>-</u>	<u>20.211.087.678</u>	<u>-</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	817.371.848	-	90.000.000	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	20.752.856	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	217.350	-
- Tạm ứng	106.481.500	-	203.865.350	-
- Ký cược, ký quỹ	7.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Phải thu phí ủy thác và bảo hiểm hàng nhập khẩu	27.735.749	-	8.244.941	-
- Phải thu tiền dịch vụ cho thuê kho, tiền điện, phí quản lý	481.850.473	-	648.712.801	-
- Phải thu tiền chiết khấu thương mại được hưởng Công ty TNHH Thép Vinakyoie và Công ty TNHH Thép Miền Nam	1.333.239.010	-	4.571.977.910	-
- Phải thu khách hàng quá hạn quy trách nhiệm cho cá nhân	2.195.871.573	(466.129.985)	2.322.837.769	(466.129.985)
- Phải thu lãi chậm trả	451.938.349	-	195.620.738	-
- Phải thu chiết khấu bán hàng của Tôn Phương Nam	31.105.774	-	26.388.373	-
- Phải thu khác	406.120.525	-	216.984.516	-
	12.851.714.801	(466.129.985)	11.305.602.604	(466.129.985)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	210.000.000	-	280.000.000	-
	210.000.000	-	280.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

8 . NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Nguyễn Thái Bình	932.259.969	466.129.985	932.259.969	466.129.985
- Công Ty Cổ phần Đầu Tư GoHome	408.219.451	204.109.726	608.219.451	304.109.726
- Công ty TNHH MTV Thép Nguyễn Huy	798.514.199	399.257.100	798.514.199	558.959.939
- Công ty CP Xây dựng và Thương mại Khánh Trường Minh	3.539.123.060	2.477.386.142	-	-
- Các khoản khác	3.435.050.699	2.165.104.037	1.091.609.394	528.283.940
	9.113.167.378	5.711.986.990	3.430.603.013	1.857.483.590

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	73.416.261	-	81.523.716	-
Công cụ, dụng cụ	29.802.853	-	50.547.298	-
Hàng hoá	324.558.925.170	(18.152.232.683)	348.522.455.670	(20.048.639.215)
	324.662.144.284	(18.152.232.683)	348.654.526.684	(20.048.639.215)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Dự án chung cư Phú Thuận	949.400.909	934.400.909
	949.400.909	934.400.909

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	34.115.259.676	31.459.924.609	3.923.834.697	504.132.146	1.290.770.831	71.293.921.959
- Mua trong kỳ	-	-	1.692.145.455	-	-	1.692.145.455
- Thanh lý, nhượng bán	-	(922.584.396)	(654.545.455)	-	-	(1.577.129.851)
Số dư cuối kỳ	34.115.259.676	30.537.340.213	4.961.434.697	504.132.146	1.290.770.831	71.408.937.563
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	14.644.119.713	15.930.030.993	3.549.908.278	286.356.089	823.355.512	35.233.770.585
- Khấu hao trong kỳ	899.538.492	1.460.785.196	138.442.090	36.406.392	60.783.456	2.595.955.626
- Thanh lý, nhượng bán	-	(908.980.492)	(463.636.359)	-	-	(1.372.616.851)
Số dư cuối kỳ	15.543.658.205	16.481.835.697	3.224.714.009	322.762.481	884.138.968	36.457.109.360
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	19.471.139.963	15.529.893.616	373.926.419	217.776.057	467.415.319	36.060.151.374
Tại ngày cuối kỳ	18.571.601.471	14.055.504.516	1.736.720.688	181.369.665	406.631.863	34.951.828.203

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.360.689.960 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

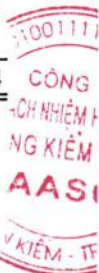
Tài sản cố định vô hình của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 là giá trị quyền sử dụng của các lô đất Công ty đang quản lý, sử dụng. Tổng nguyên giá của Tài sản cố định vô hình là 91.195.670.450 đồng, trong đó có 84.341.620.282 đồng là nguyên giá của giá trị quyền sử dụng 9.121,2 m² đất tại Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài nên không trích khấu hao. Khấu hao trong kỳ của các tài sản còn lại là 95.195.142 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2016 là 951.951.420 đồng.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà và thiết bị của hai tòa nhà số 189 Nguyễn Thị Minh Khai và số 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng nguyên giá tại 30/06/2016 là 145.463.787.768 đồng. Khấu hao trong kỳ của các tài sản này là 3.026.118.816 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2016 là 38.150.872.130 đồng.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.449.091	13.145.106
Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc	-	49.553.515
Chi phí lắp đặt biển tần kho Linh Trung	13.181.819	39.545.455
Chi phí sửa chữa xe ô tô, xe nâng	10.066.250	106.914.182
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	47.700.000	61.335.000
	<u>74.397.160</u>	<u>270.493.258</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	73.111.115	162.589.869
Chi phí hỗ trợ mở đường số 13 - kho Linh Trung	893.324.000	1.191.108.000
Chi phí trợ cấp thôi việc	407.156.924	542.875.900
Chi phí đổi tên giấy chứng nhận sở hữu kho Linh Trung	282.828.284	323.232.324
Chi phí trả trước dài hạn khác	201.447.500	466.981.791
	<u>1.857.867.823</u>	<u>2.686.787.884</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei	7.193.918.693	7.193.918.693	6.818.377.747	6.818.377.747
- Công ty CP Tôn Đông Á	-	-	8.334.018.300	8.334.018.300
- Công ty TNHH TM Thành Đạt	-	-	11.734.156.500	11.734.156.500
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	5.681.228.938	5.681.228.938	1.300.334.431	1.300.334.431
- Phải trả các đối tượng khác	12.578.651.147	12.578.651.147	8.868.214.898	8.868.214.898
	25.453.798.778	25.453.798.778	37.055.101.876	37.055.101.876
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)				
	13.140.868.892	13.140.868.892	8.138.478.914	8.138.478.914



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	20.431.488.000	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	6.302.053.453	6.245.944.565
	<u>26.733.541.453</u>	<u>6.245.944.565</u>

111
CÓN
HCH NH
ANG
A
HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	34.904.242.699	34.904.242.699	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	137.772.740	137.772.740	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	852.665.437	-	-	863.925.455	1.716.590.892	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	97.328.406	66.247.539	359.454.028	195.878.083	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	198.597.088	1.129.016.558	1.468.352.558	140.738.912	-
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
	852.665.437	295.925.494	36.246.279.536	37.742.747.480	2.053.207.887	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	264.380.667	472.999.621
- Chi phí thuê kho, bốc xếp, vận chuyển	909.764.572	42.496.272
- Chi phí điện, nước, điện thoại	22.000.000	8.288.400
- Chi phí bán hàng	430.004.045	60.242.529
- Chi phí hỗ trợ bảo lãnh	5.625.000	57.325.000
- Chi phí trợ cấp thôi việc	120.232.500	-
- Chi phí phải trả khác	205.000.000	75.000.000
	<u>1.957.006.784</u>	<u>716.351.822</u>

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	47.525.170	47.971.560
- Bảo hiểm xã hội	910.000	-
- Bảo hiểm y tế	157.500	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	70.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.000.000	54.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	36.080.500	36.939.325
- Chiết khấu sản lượng phải trả khách hàng	6.435.800	210.948.900
- Tiền thuê văn phòng phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam	-	528.000.000
- Tiền ứng trước thuê văn phòng	-	575.537.836
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	633.651.581	426.807.470
	<u>778.830.551</u>	<u>1.880.205.091</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20.349.287.316	19.919.230.725
	<u>20.349.287.316</u>	<u>19.919.230.725</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

20 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	208.559.117.638	208.559.117.638	954.485.581.215	810.899.890.084	352.144.808.769	352.144.808.769
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽²⁾	281.491.817.072	281.491.817.072	239.766.858.830	370.994.030.411	150.264.645.491	150.264.645.491
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ⁽³⁾	20.161.984.698	20.161.984.698	53.811.249.405	63.171.013.376	10.802.220.727	10.802.220.727
	510.212.919.408	510.212.919.408	1.248.063.689.450	1.245.064.933.871	513.211.674.987	513.211.674.987



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay với ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 15.2820052/2015-HĐTĐHM/NHCT900-KIM KHI ngày 30/10/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 600 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: Đến hết 30/10/2016;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 352.144.808.769 đồng; trong đó có bao gồm vay 2.915.295 USD, tương đương với 65.142.274.820 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

- (2) Khoản vay với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/94697/HĐTĐ ngày 01/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 600 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 150.264.645.491 đồng; trong đó có bao gồm vay 2.420.546 USD, tương đương với 54.087.109.980 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

- (3) Khoản vay với ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 224/2015/HĐHM/CIB-HCM ngày 12/10/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng không quá 05 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 10.802.220.727 đồng; trong đó có bao gồm vay 425.424 USD, tương đương với 9.508.226.624 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	37.225.230.000	57.658.556.822	1.573.466.830	24.333.739.527	330.790.993.179
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	4.733.919.770	4.733.919.770
Trích lập quỹ Đầu tư phát triển	-	-	500.000.000	-	(500.000.000)	-
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	200.000.000	(200.000.000)	-
Trích lập quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.590.633.930)	(2.590.633.930)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Tặng khác	-	-	2.376.947.175	-	-	2.376.947.175
Số dư cuối kỳ trước	210.000.000.000	37.225.230.000	60.535.503.997	1.773.466.830	4.777.025.367	314.311.226.194
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	37.225.230.000	60.535.503.997	1.773.466.830	(33.398.880.990)	276.135.319.837
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	27.599.788.272	27.599.788.272
Số dư cuối kỳ này	210.000.000.000	37.225.230.000	60.535.503.997	1.773.466.830	(5.799.092.718)	303.735.108.109



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	55,67%	116.905.700.000	55,67%	116.905.700.000
Trần Linh Phong	5,46%	11.460.000.000	5,60%	11.750.000.000
Các cổ đông khác	38,87%	81.634.300.000	38,73%	81.344.300.000
	100%	210.000.000.000	100%	210.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	210.000.000.000	210.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	210.000.000.000	210.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	210.000.000.000	210.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	60.535.503.997	60.535.503.997
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.773.466.830	1.773.466.830
	62.308.970.827	62.308.970.827

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.506.873,87	606.863,87
- Đồng Euro (EUR)	201,87	201,75

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
- Các khoản nợ khó đòi đã xử lý	38.418.557.243	38.418.557.243

Công ty vẫn đang tích cực thực hiện các giải pháp để thu hồi các khoản công nợ khó đòi trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.281.182.075.957	910.406.261.148
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.905.275.159	25.704.049.700
	1.310.087.351.116	936.110.310.848
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)	142.990.427.064	57.978.928.194

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	204.513.100	1.219.017.020
Hàng bán bị trả lại	284.751.150	39.771.199
	489.264.250	1.258.788.219

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.228.409.772.580	898.298.883.272
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.909.482.547	4.279.973.525
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.896.406.532)	5.806.090.337
	1.231.422.848.595	908.384.947.134

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.002.736.605	25.505.517
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.857.935.571	2.970.455.426
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.622.193.700
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	107.511.137	337.232.634
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	5.423.780	-
	6.973.607.093	4.955.387.277

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.951.577.283	16.442.356.486
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	688.373.712	1.338.927.865
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	456.109.756
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.164.422.308	(1.035.000.000)
Chi phí tài chính khác	-	5.611.192
	18.804.373.303	17.208.005.299

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	204.099.582	359.077.105
Chi phí nhân công	12.416.349.837	6.623.010.986
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.619.315.312	2.967.301.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.775.740.758	4.921.410.779
Chi phí khác bằng tiền	5.625.373.899	1.301.059.361
	29.640.879.388	16.171.859.849

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.454.340	118.515.820
Chi phí nhân công	5.799.963.329	1.059.334.190
Thuế, phí, lệ phí	36.988.316	50.024.764
Chi phí dự phòng	1.828.060.965	1.376.121.462
Chi phí công nợ được xử lý xóa sổ	-	1.232.639.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	593.840.574	2.864.035.695
Chi phí khác bằng tiền	2.333.095.679	2.073.686.353
	10.641.403.203	8.774.358.168

30 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.422.248.819	-
Tiền phạt thu được	2.000.000	-
Lãi do đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	-	18.594.729.232
Thu nhập khác	125.068.579	211.478.282
	1.549.317.398	18.806.207.514

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

31 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	8.807.596	-
Chi phí thành lập Công ty con	-	1.613.978.436
Chi phí khác	2.911.000	131.782.357
	11.718.596	1.745.760.793

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.599.788.272	6.328.186.177
Các khoản điều chỉnh tăng	-	126.782.357
- Chi phí không hợp lệ	-	126.782.357
Các khoản điều chỉnh giảm	(27.599.788.272)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(27.599.788.272)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	6.454.968.534
Thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế	-	1.420.093.077
Thuế TNDN truy thu theo Quyết định của Cơ quan thuế	-	174.173.330
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.594.266.407
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	(2.376.947.175)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(852.665.437)	1.653.666.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(863.925.455)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(1.716.590.892)	870.985.572

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	27.599.788.272	4.733.919.770
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	27.599.788.272	4.733.919.770
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.314	225

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	253.553.922	477.592.925
Chi phí nhân công	18.216.313.166	7.682.345.176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.717.269.584	6.176.067.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.306.506.048	8.285.439.438
Chi phí khác bằng tiền	10.698.122.418	5.348.049.300
	45.191.765.138	27.969.494.832

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	62.347.598.249	-	20.341.953.733	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	238.748.348.570	(3.401.180.388)	226.053.290.856	(1.573.119.423)
Các khoản cho vay	20.431.488.000	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	23.000.000.000	(13.225.000.000)	23.000.000.000	(13.800.000.000)
Đầu tư dài hạn	35.079.250.000	(26.159.318.308)	35.079.250.000	(21.419.896.000)
	379.606.684.819	(42.785.498.696)	304.474.494.589	(36.793.015.423)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			513.211.674.987	510.212.919.408
Phải trả người bán, phải trả khác			46.581.916.645	58.854.537.692
Chi phí phải trả			1.957.006.784	716.351.822
			561.750.598.416	569.783.808.922

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.347.598.249	-	-	62.347.598.249
Phải thu khách hàng, phải thu khác	235.137.168.182	210.000.000	-	235.347.168.182
Các khoản cho vay	20.431.488.000	-	-	20.431.488.000
Đầu tư ngắn hạn	9.775.000.000	-	-	9.775.000.000
Đầu tư dài hạn	-	8.919.931.692	-	8.919.931.692
	327.691.254.431	9.129.931.692	-	336.821.186.123
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.341.953.733	-	-	20.341.953.733
Phải thu khách hàng, phải thu khác	224.200.171.433	280.000.000	-	224.480.171.433
Đầu tư ngắn hạn	9.200.000.000	-	-	9.200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	13.659.354.000	-	13.659.354.000
	253.742.125.166	13.939.354.000	-	267.681.479.166

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	513.211.674.987	-	-	513.211.674.987
Phải trả người bán, phải trả khác	26.232.629.329	20.349.287.316	-	46.581.916.645
Chi phí phải trả	1.957.006.784	-	-	1.957.006.784
	<u>541.401.311.100</u>	<u>20.349.287.316</u>	<u>-</u>	<u>561.750.598.416</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	510.212.919.408	-	-	510.212.919.408
Phải trả người bán, phải trả khác	38.935.306.967	19.919.230.725	-	58.854.537.692
Chi phí phải trả	716.351.822	-	-	716.351.822
	<u>549.864.578.197</u>	<u>19.919.230.725</u>	<u>-</u>	<u>569.783.808.922</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh mua bán kim khí, phế liệu và sản phẩm kim loại. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng và kinh doanh bất động sản đầu tư chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Công ty. Công ty cũng chưa tổ chức cơ cấu theo các bộ phận. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính được trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2016	2015
		VND	VND
Bán hàng		142.990.427.064	57.978.928.194
Công ty CP Thép VICASA - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	1.743.033.533	947.857.169
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	18.227.659.000	1.982.097.200
Công ty CP Thép Thủ Đức	Cùng Công ty mẹ	380.329.958	10.539.933.126
Công ty CP Lưới thép Bình Tây	Cùng Công ty mẹ	12.190.840.851	-
Công ty Thép Tây Đô	Cùng Công ty mẹ	35.682.056.200	-
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Đầu tư khác	73.251.810.419	29.381.160.949
Công ty CP Cơ khí Luyện Kim	Cùng Công ty mẹ	1.514.697.103	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	-	12.256.664.000
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ	-	2.871.215.750
Mua hàng		487.237.461.609	210.756.478.988
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Cùng Công ty mẹ	7.078.730.504	12.381.548.178
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	288.751.133.790	196.499.589.910
Công ty Thép Vinakyoei	Cùng Công ty mẹ	191.407.597.315	-
Công ty CP Thép VICASA - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	-	721.569.700
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	-	1.153.771.200

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		71.520.493.710	69.014.539.980
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	-	12.194.319.500
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Đầu tư khác	53.297.955.416	56.820.220.480
Công ty CP Thép VICASA - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	112.098.022	-
Công ty CP Thép Thủ Đức	Cùng Công ty mẹ	71.654.562	-
Công ty Thép Tây Đô	Cùng TCT	18.038.785.710	-
Phải trả người bán ngắn hạn		13.140.868.892	8.138.478.914
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	265.721.261	-
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Cùng Công ty mẹ	-	19.766.736
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	5.681.228.938	1.300.334.431
Công ty Thép Vinakyoei	Cùng TCT	7.193.918.693	6.818.377.747

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	862.406.318	1.042.976.501



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Nguyễn Thị Hồng Mây
Người lập



Võ Thị Lệ Châu
Kế toán trưởng



Đặng Huy Hiệp
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2016

